

BẢN SẮC CON NGƯỜI TÂY NAM BỘ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

Nguyễn Thị Phương Hoa

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu này, bản sắc con người Tây Nam Bộ trong đời sống gia đình được hiểu là những nét văn hóa - tâm lý chung của cộng đồng người tại khu vực Tây Nam Bộ, thể hiện qua hệ giá trị, chuẩn mực, qua lối sống và các nét tính cách, bộc lộ cụ thể trong các mối quan hệ gia đình. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi với sự tham gia của 867 người dân đang sinh sống tại 8 tỉnh Tây Nam Bộ (Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Trà Vinh, Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp) có độ tuổi trung bình 44,9 cho thấy người Tây Nam Bộ hiện nay lưu giữ một số nét bản sắc truyền thống trong đời sống gia đình. Tuy nhiên, những nét bản sắc này có mức độ đậm nhạt khác nhau khi xét theo giới tính, độ tuổi, học vấn, dân tộc.

Từ khóa: Bản sắc; Con người Tây Nam Bộ; Gia đình.

Ngày nhận bài: 17/9/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/1/2021.

1. Đặt vấn đề

Bản sắc (identity) là một khái niệm xuất hiện trong nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau như văn hóa học, dân tộc học, xã hội học, tâm lý học dân tộc, tâm lý học cá nhân... Trong mỗi lĩnh vực, bản sắc được nhìn nhận dưới những góc độ khác nhau và trong những phạm vi khác nhau. Do đó, bản sắc được hiểu theo những cách không hoàn toàn giống nhau. Có hai loại bản sắc thường được đề cập đến là bản sắc cá nhân và bản sắc xã hội. Đây là hai nhánh khái niệm mang nội hàm tương đối khác nhau. Bản sắc cá nhân là những đặc điểm riêng và nổi bật, đại diện cho một cá nhân (Corsini, 1999; Verkuyten và cộng sự, 1998...), còn bản sắc xã hội là những điểm chung và phổ biến, đại diện cho nhóm xã hội (Hogg, 2003; Tajfel, 1982; Brown và Turner, 1998 - dẫn theo Verkuyten và cộng sự, 1998...). Trên bình diện cá nhân, mỗi người đều là chủ thể mang bản sắc cá nhân và bản sắc xã hội. Nhưng trên bình diện xã hội/cộng đồng, bản sắc xã hội của cộng đồng bao gồm những đặc trưng chung và phổ biến ở nhiều người trong cộng đồng đó, chứ không phải là phép cộng của các bản sắc cá nhân (Phan Thị Mai Hương, Lã Thị Thu Thủy, 2020).

Vùng đất Tây Nam Bộ gồm 13 tỉnh/thành: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long. Đây là nơi cộng cư lâu đời của 3 tộc người thiểu số (Khmer, Chăm, Hoa) với người Việt hay người Kinh. Vì vậy, khi nói đến con người Tây Nam Bộ là nói đến một cộng đồng người. Bản sắc con người Tây Nam Bộ là bản sắc xã hội. Bản sắc con người Tây Nam Bộ là những đặc điểm chung của cộng đồng cư dân Tây Nam Bộ được cộng đồng này chia sẻ chung. Đó là hệ giá trị, chuẩn mực, là lối sống, tính cách, hành vi sống... mang tính phổ biến chung cho cộng đồng người ở Tây Nam Bộ. Tóm lại, trong nghiên cứu này, *bản sắc con người Tây Nam Bộ trong đời sống gia đình được hiểu là những nét văn hóa - tâm lý chung của cộng đồng người tại khu vực Tây Nam Bộ, thể hiện qua hệ giá trị, chuẩn mực, qua lối sống và các nét tính cách, bộc lộ cụ thể trong các mối quan hệ gia đình.*

Khi nghiên cứu bản sắc của người Tây Nam Bộ, phần lớn các nhà nghiên cứu phân tích đặc điểm người Tây Nam Bộ theo từng dân tộc/tộc người, một số nghiên cứu đã tổng hợp thành các nét đặc trưng chung của người Nam Bộ nói chung, Tây Nam Bộ nói riêng. Qua các nghiên cứu đó, chúng ta có thể nhận thấy rằng: Mặc dù, mỗi dân tộc ở Tây Nam Bộ có những đặc điểm riêng nhưng các dân tộc Tây Nam Bộ cũng có những nét tính cách, những đặc điểm chung.

Gia đình luôn là điều có ý nghĩa quan trọng đối với bất kỳ ai thuộc bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Theo Nguyễn Văn Kha (2009), đạo lý, tình nghĩa là một đặc trưng trong ứng xử của người Nam Bộ. Cái gốc của con người là đạo lý, sự gắn kết giữa con người là tình nghĩa. Đó là nguyên tắc chi phối các hành vi ứng xử của con người Nam Bộ nói chung, con người Tây Nam Bộ nói riêng trong cuộc sống, nhất là trong gia đình.

“Trải qua hơn ba thế kỷ khai phá, xây dựng, bảo vệ và phát triển, nhiều thế hệ con người Tây Nam bộ đã từng bước xác lập được những quan niệm, giá trị nhân sinh mang tính triết lý phong phú nhưng cũng không kém phần sâu sắc, đặc trưng cho nền văn minh miệt vườn, một trong số đó là triết lý hiếu nghĩa” (Lê Văn Tùng, Nguyễn Việt Tiến, 2017, tr. 37). Trong gia đình, triết lý hiếu nghĩa thể hiện ở nhiều khía cạnh, trong đó có khía cạnh quan điểm, quan niệm về tình cảm đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, về sự phụng dưỡng, chăm sóc ông bà, cha mẹ. Ở Tây Nam Bộ, “con cái luôn kính trọng, thấu hiểu công lao sinh thành dưỡng dục của ông bà, cha mẹ, để phần đầu đền đáp thâm ân đó” (Lê Văn Tùng, Nguyễn Việt Tiến, 2017, tr. 39).

Người Việt, người Hoa vốn dĩ đã theo chế độ phụ quyền. Người Chăm Nam Bộ do hầu hết theo đạo Hồi nên chế độ gia đình thiên về phụ hệ, mặc dù chế độ mẫu hệ cổ truyền vẫn còn được bảo lưu (Lý Tùng Hiếu, 2009). Gia đình người Khmer là gia đình tiểu phụ quyền (Bùi Xuân Đính, 2012). Người Khmer

Nam Bộ theo chế độ gia đình song hệ nhưng đang trong xu hướng chuyển sang phụ hệ (Lý Tùng Hiếu, 2009). Như vậy, có thể thấy rằng, gia đình của người Tây Nam Bộ hầu hết đều theo chế độ phụ quyền với sự coi trọng vai trò của nam giới.

Như vậy, qua một số nghiên cứu có thể thấy rằng, trong gia đình, người Tây Nam Bộ truyền thống là những người trọng hiếu, trọng lão, phần lớn là trọng nam, sống tình nghĩa. Vậy, người Tây Nam Bộ hiện nay có còn lưu giữ những bản sắc đó không? Bài viết này nhằm trả lời câu hỏi đó.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Tổng số có 867 người đang sinh sống tại 8 tỉnh Tây Nam Bộ (Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Trà Vinh, Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp), mỗi tỉnh có khoảng 100 người dân đã tham gia trả lời bảng hỏi. Nếu xét theo tiểu vùng văn hóa (theo cách phân loại của Trần Ngọc Thêm, 2013) thì một nửa (52%) số người tham gia sống ở tiểu vùng phù sa ngọt; 4 tiểu vùng còn lại (giồng Duyên Hải, ngập hờ, ngập kín, ngập mặn) có số lượng gần tương đương nhau, mỗi tiểu vùng có khoảng từ 10 - 13% số người tham gia. Mẫu nghiên cứu này có một số đặc điểm như sau:

Bảng 1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	425	49,0
	Nữ	442	51,0
Độ tuổi (độ tuổi trung bình là 44,9; độ lệch là 11,9)	30 tuổi trở xuống	80	9,2
	31 - 40 tuổi	232	26,8
	41 - 50 tuổi	270	31,1
	51 - 60 tuổi	227	26,2
	61 tuổi trở lên	58	6,7
Trình độ học vấn	Chưa hết tiểu học	204	23,5
	Đã tốt nghiệp tiểu học	272	31,4
	Đã tốt nghiệp THCS	205	23,6
	Tốt nghiệp THPT trở lên	180	20,8
	Thiếu thông tin	6	0,7

Dân tộc	Kinh	681	78,5
	Hoa	33	3,8
	Khmer	103	11,9
	Chăm	50	5,8
Tôn giáo	Không theo tôn giáo	488	56,3
	Phật giáo	312	36,0
	Hồi giáo	50	5,8
	Tôn giáo khác	15	1,7
	<i>Thiếu thông tin</i>	2	0,2
Nghề nghiệp	Nông dân	340	39,2
	Dịch vụ - Buôn bán	207	23,9
	Công nhân	134	15,5
	Cán bộ	91	10,5
	Nội trợ	76	8,8
	Không việc làm	17	2,0
	<i>Thiếu thông tin</i>	2	0,2
Nơi cư trú	Nông thôn	636	73,4
	Thị trấn/thị xã	231	26,6

Như vậy, số liệu bảng 1 cho thấy mẫu nghiên cứu có sự cân bằng về giới tính. Độ tuổi trung bình của mẫu khá cao với phần đa khách thể ở độ tuổi trung niên và già. Hơn một nửa số khách thể có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống, trong đó số người chưa học hết tiểu học chiếm gần 1/4; số người có trình độ học vấn từ THPT trở lên chiếm 1/5 trong tổng số người. Người tham gia trả lời bảng hỏi có cả người Kinh, Khmer, Chăm và Hoa, nhưng đa số là người Kinh, người Hoa có số người ít nhất. Hơn một nửa số người tham gia không theo tôn giáo, hai tôn giáo có số người tham gia đông đảo là Phật giáo và Hồi giáo, trong đó chủ yếu là Phật giáo. Tỷ lệ nông dân tham gia nghiên cứu là cao nhất, tiếp đến là những người làm dịch vụ - buôn bán, sau đó là công nhân và cán bộ (công chức, viên chức, cán bộ cơ sở, nhân viên văn phòng). Gần 3/4 số khách thể nghiên cứu sống ở nông thôn, số còn lại sống ở thị trấn, thị xã.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ yếu là khảo sát bằng bảng hỏi. Bảng hỏi do nhóm nghiên cứu tự xây dựng. Mỗi bản sắc thường có một số biểu hiện về nhận thức, quan điểm của người dân Tây Nam Bộ về những vấn đề liên quan đến gia đình và hành vi thực tế của họ trong gia đình. Ví dụ: Đặc trưng tâm lý trọng hiếu được tìm hiểu qua các biểu hiện như nhận thức về trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ, quan điểm về sự phục tùng của con dâu đối với mẹ chồng... Đặc trưng trọng nam gồm các biểu hiện như quan điểm về việc sinh con trai, về vai trò quyết định của người chồng, về sự tuân thủ của người vợ... Ngoài ra, vai trò của cha mẹ, của nam giới, nữ giới còn được tìm hiểu ở hành vi thực tế trong cuộc sống thông qua câu hỏi về người có quyền quyết định cao nhất trong gia đình...

Các biểu hiện thường có 2 cách hỏi khác nhau: (1) bằng câu định tính (có hay không có biểu hiện đó; biểu hiện đó đúng hay không đúng với bản thân người trả lời; chọn hay không chọn điều này...); (2) bằng câu hỏi mức độ với 4 mức độ từ thấp tới cao nhưng đã có sự phân cực giữa sự phủ định và khẳng định (*không đúng, ít đúng, khá đúng, rất đúng* hay *hoàn toàn không đồng ý, phần nhiều là không đồng ý, phần nhiều là đồng ý, hoàn toàn đồng ý*...). Khi xử lý số liệu, các câu hỏi dạng mức độ được mã lại về dạng câu hỏi định tính: có hay không có biểu hiện đó; biểu hiện đó đúng hay không đúng với bản thân người trả lời... Hai mức độ thấp (*không đúng, ít đúng* và *hoàn toàn không đồng ý, phần nhiều là không đồng ý*...) được mã thành: Không đúng/Không đồng ý... Hai mức độ cao (*khá đúng, rất đúng* và *phần nhiều là đồng ý, hoàn toàn đồng ý*...) được mã thành: Đúng/Đồng ý... Những biểu hiện được thể hiện ở đa số người dân (60% trở lên) sẽ được coi là đặc điểm tâm lý đặc trưng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu một số người dân về những vấn đề liên quan đến nhận thức của người dân về các vấn đề gia đình, cách ứng xử của họ trong gia đình. Dữ liệu phỏng vấn sâu được sử dụng để làm rõ, bổ sung thêm cho các kết quả khảo sát.

Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 với các phép tính toán: tỷ lệ %, so sánh các tỷ lệ sử dụng kiểm định Khi bình phương (χ^2).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc trưng tâm lý của người Tây Nam Bộ trong gia đình

3.1.1. Trọng tình nghĩa vẫn là nét tính cách nổi bật

Kết quả nghiên cứu trên mẫu chọn của chúng tôi cho thấy, người dân Tây Nam Bộ hiện nay *rất coi trọng tình nghĩa gia đình*. Đối với họ, gia đình hạnh phúc là điều quan trọng, cha mẹ và con cái phải yêu thương nhau vô điều

kiện, các thành viên gia đình phải có trách nhiệm đối với gia đình. Khi được yêu cầu chọn 5 phẩm chất/yếu tố quan trọng nhất mà người dân tham gia nghiên cứu mong muốn có ở con của mình, hầu hết người dân mong muốn con của mình có một gia đình hạnh phúc (chiếm 80,2%) và trở thành người có trách nhiệm với gia đình (chiếm 95,6%). Đây là 2 yếu tố có tỷ lệ lựa chọn cao nhất.

Đại đa số (chiếm 90,1%) người dân cho rằng cha mẹ là phải cố gắng hết sức vì con, kể cả có khi phải trả giá bằng chính cuộc sống của mình. 94,7% người dân tham gia nghiên cứu tự nhận mình là người sống hết mình vì những người mình yêu quý, kể cả khi phải hy sinh lợi ích của bản thân (trong đó 74,8% số người đánh giá điều đó rất đúng với mình, 19,9% số người đánh giá là khá đúng).

Gia đình, con cháu và bạn đời là những điều khiến người dân Tây Nam Bộ trong mẫu chọn hài lòng nhất. Trong 9 khía cạnh được nêu ra (bao gồm cuộc sống, tính cách bản thân, thu nhập bản thân, công việc bản thân, bạn đời, gia đình, con cháu, mối quan hệ cộng đồng) thì gia đình, con cháu, bạn đời là 3 khía cạnh có điểm trung bình (M) cao nhất. Điểm trung bình mức độ hài lòng được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10 và mức độ hài lòng về gia đình, con cháu, bạn đời lần lượt đạt 9,38; 9,35 và 8,90.

3.1.2. Trọng hiếu vẫn được bảo lưu

Trong quá khứ, người dân Tây Nam Bộ rất tôn trọng, yêu quý cha mẹ. Hiện nay, kết quả nghiên cứu cho thấy gia đình người Tây Nam Bộ vẫn giữ truyền thống trọng hiếu, trọng lão. Hầu hết người dân (chiếm 94,7%) cho rằng con cái phải luôn yêu thương, tôn trọng cha mẹ dù cha mẹ có như thế nào. 86,7% người dân đồng ý rằng gia đình sẽ hạnh phúc hơn nếu nhiều thế hệ cùng sinh sống (trong đó 86,6% hoàn toàn đồng ý). 76,4% đồng ý để gia đình yên ấm, con dâu luôn phải nghe lời mẹ chồng (trong đó 54,1% hoàn toàn đồng ý).

Khi được hỏi rằng “Sau này có kinh tế hơn có muốn sống tách riêng không hay muốn sống cùng bố mẹ?”, một nam thanh niên người Khmer đã trả lời rằng: “Muốn sống cùng bố mẹ nhiều hơn để chăm dưỡng bố mẹ tuổi già”, (nam, 22 tuổi, dân tộc Khmer, KG21).

“Ở chung nhiều thế hệ, nó gần gũi nhiều hơn, dạy dỗ được hơn, nói chuyện này chuyện kia, mình chỉ nó biết, nó thấy nó tránh. Dạy con dạy cái thì mình làm cái gì, nó bắt chước theo thôi, chớ dạy lý thuyết nó không nghe đâu. Dạy con đem cho ông nội cái này cái kia thì nó cũng làm cho cha mẹ nó thế thôi” (nam, 74 tuổi, dân tộc Hoa, CM20).

“Hiếu nghĩa của người trẻ đối với người già là nghe lời ông bà cha mẹ, hiếu thảo, noi gương theo truyền thống. Họ tích cực lao động, đi làm chỗ khác, gửi tiền về cho cha mẹ, quan tâm lo lắng cho cha mẹ. Người thành phố hưởng thụ hơn, ích kỷ hơn, vì họ khá hơn, ở đây nông thôn vốn khó khăn, con cái nhận thức được vấn đề đó nên chia sẻ” (nữ, 54 tuổi, dân tộc Kinh, DT01).

Trong thực tế, tại nhiều gia đình, cha mẹ (bất kể ở độ tuổi nào) vẫn là người có quyền quyết định cao hơn trong quan hệ gia đình, dòng họ. Trong đợt khảo sát lần thứ hai tại 6 tỉnh Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp), trong những gia đình mà người trả lời sống chung với bố mẹ, 61,5% người trả lời rằng cha và/hoặc mẹ họ là người có quyền quyết định nhất trong quan hệ gia đình hoặc dòng họ. Mặc dù tỷ lệ này không cao như những tỷ lệ trên nhưng điều này chứng tỏ trong phần lớn hộ gia đình tham gia nghiên cứu này, *cha mẹ vẫn có tiếng nói quan trọng khi quyết định các vấn đề trong quan hệ gia đình, dòng họ.*

Tuy nhiên, quyền quyết định cao nhất trong phát triển kinh tế hộ và trong vấn đề việc học/việc làm của các thành viên trong gia đình ít thuộc về cha mẹ. Điều này cũng phù hợp với thực tế: Khi cha mẹ già yếu thì quyền quyết định việc làm ăn kinh tế trong gia đình, quyết định việc học, việc làm của các thành viên gia đình dĩ nhiên sẽ thuộc về thế hệ con cháu - thế hệ trẻ hơn, có sức khỏe, có khả năng. Như vậy, khi xử lý các vấn đề trong quan hệ gia đình, dòng họ, cha mẹ dù già dù trẻ vẫn có vai trò quyết định, vẫn được con cháu trong gia đình tôn trọng ý kiến.

3.1.3. Tư tưởng trọng nam vẫn tồn tại nhưng không nặng nề về việc sinh con trai

Người dân Tây Nam Bộ trong mẫu chọn vẫn tuân theo chế độ gia trưởng. 69,3% số người đồng ý người chồng nên là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình (51% hoàn toàn đồng ý); 62,6% số người đồng ý là người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng (40,2% hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, 70,1% số người không đồng ý với ý kiến “Hôn nhân sẽ hạnh phúc nếu vợ chồng sinh được con trai”. Có thể thấy rằng người chồng, người cha có vị trí quan trọng trong gia đình, nhưng người vợ, người mẹ cũng có những tự do nhất định, họ cũng không nhất thiết phải sinh được con trai cho gia đình chồng. *“Ngày xưa, nghe ông bà bố mẹ kể lại nếu người dâu mà không đẻ được con trai là họ trả lại, còn bây giờ không còn nữa, nam, nữ gì thì cũng hai, ba đứa là xong, nó không muốn đẻ nhiều vất vả”* (nữ, 55 tuổi, dân tộc Kinh, KG22).

Khi quyết định các công việc trong gia đình, nam giới (người cha, người chồng, con trai trưởng) cũng giữ vai trò cao hơn nữ giới (người mẹ, người vợ, con gái trưởng). 78,2% số người trả lời cho biết trong gia đình họ, nam giới là người có quyền quyết định cao nhất trong quan hệ gia đình, dòng họ; tỷ lệ này trong việc phát triển kinh tế hộ là 75,1%, trong việc quyết định việc học/việc làm của các thành viên gia đình là 70,4%. Đường như *vai trò quyết định trong thực tế của nam giới còn cao hơn vai trò của họ trong quan niệm* của người dân Tây Nam Bộ.

Có thể nói rằng, trong quan niệm cũng như trong thực tiễn cuộc sống gia đình của người Tây Nam Bộ, nam giới vẫn có vai trò quyết định cao hơn nữ giới.

3.2. So sánh bản sắc của người Tây Nam Bộ trong đời sống gia đình theo các lát cắt

3.2.1. So sánh theo giới tính

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, hầu như không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam giới và nữ giới trong các vấn đề có liên quan tới giá trị gia đình: giá trị gia đình, dòng họ, khuôn mẫu ứng xử trọng hiếu trong gia đình. Phần lớn nam giới và nữ giới trong mẫu nghiên cứu đều coi trọng gia đình. Cả nam giới và nữ giới đều cho rằng gia đình sẽ hạnh phúc hơn khi có nhiều thế hệ cùng sinh sống, con dâu thì phải nghe lời mẹ chồng để gia đình yên ấm, hạnh phúc và dù bố mẹ có như thế nào con cái cũng phải yêu thương và tôn trọng họ.

Tuy nhiên, có khác biệt ý kiến giữa nam giới và nữ giới khi đánh giá về vai trò giới trong gia đình. Mặc dù, cả nam giới và nữ giới đều không quan niệm rằng hôn nhân sẽ hạnh phúc nếu vợ chồng sinh được con trai, song mức độ đồng ý với khuôn mẫu ứng xử trọng nam ở nam giới và nữ giới không hoàn toàn giống nhau. Mặc dù phần đa nữ giới đồng ý rằng người chồng nên là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình (chiếm 64,2%) hay người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng (chiếm 58,4%) nhưng tỷ lệ này ở nam giới cao hơn (tỷ lệ tương ứng là 74,8% và 67,1%, với mức ý nghĩa p đều nhỏ hơn 0,01).

Hơn 84% đến 88,7% nam giới cũng nhìn nhận rằng người có quyền quyết định cao nhất trong gia đình thuộc về nam giới (bố, chồng, con trai trưởng); trong khi tỷ lệ này ở nữ giới thấp hơn (hơn 60%) và tỷ lệ nữ giới cho rằng nữ giới (mẹ, vợ, con gái cả) là người có quyền quyết định cao nhất trong gia đình cao hơn tỷ lệ này ở nam giới. Đặc biệt, trong việc quyết định việc học/việc làm của các thành viên gia đình, nữ giới đánh giá ngang nhau về vai trò của phụ nữ và nam giới (xem bảng 2).

Bảng 2: Nhận thức, giá trị, ứng xử trong gia đình của người dân Tây Nam Bộ - so sánh theo giới tính

Nội dung			Nam	Nữ	χ^2	df	p
1. Người quyết định cao nhất trong quan hệ gia đình, dòng họ*	Nữ giới	N	115	192			
		%	28,3	44,8			
	Nam giới	N	361	293			
		%	88,7	68,3			
2. Người quyết định cao nhất trong phát triển kinh tế hộ*	Nữ giới	N	137	231			
		%	32,9	53,2			
	Nam giới	N	353	285			
		%	84,9	65,7			
3. Người quyết định cao nhất đối với việc học/việc làm của các thành viên trong gia đình*	Nữ giới	N	136	251			
		%	33,4	58,8			
	Nam giới	N	342	245			
		%	84,0	57,4			
4. Người chồng phải là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình	Không đồng ý	N	106	158	11,50	1	0,001
		%	25,2	35,8			
	Đồng ý	N	315	283			
		%	74,8	64,2			
5. Người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng	Không đồng ý	N	138	183	7,01	1	0,008
		%	32,9	41,6			
	Đồng ý	N	282	257			
		%	67,1	58,4			

Ghi chú: *: là câu hỏi đa phương án trả lời.

Như vậy, nam giới vẫn có tư tưởng áp đặt với phụ nữ hơn và mặc dù vẫn có tư tưởng trọng nam song tư tưởng này ở người phụ nữ có phần giảm bớt so với nam. Trong thực tiễn cuộc sống, mỗi giới đều đánh giá cao hơn về vai trò của bản thân, nhưng vai trò của nam giới vẫn có phần lớn hơn.

3.2.2. So sánh theo tuổi

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, có sự khác biệt quan điểm về sự hy sinh cho người thân, gia đình giữa các nhóm người tham gia khảo sát ở những độ tuổi khác nhau. Phần lớn (gần 80% đến hơn 90%) số người ở các độ tuổi khác nhau đều đồng ý rằng trách nhiệm của cha mẹ là phải cố gắng hết sức vì con, kể cả có khi phải trả giá bằng chính cuộc sống của mình. Gần 90% đến gần 100% người dân ở các độ tuổi khác nhau tự nhận là người sống hết mình vì những người mình yêu quý, kể cả khi phải hy sinh lợi ích của bản thân. Mặc dù vậy, tỷ lệ này ở nhóm trẻ tuổi (từ 30 tuổi trở xuống) luôn thấp hơn các nhóm tuổi lớn hơn, sự khác biệt này có ý nghĩa về thống kê (xem bảng 3). Dường như quan điểm hy sinh bản thân vì người thân, gia đình có xu hướng giảm bớt ở người trẻ. Dữ liệu phỏng vấn sâu cũng cung cấp một bằng chứng ủng hộ nhận định này: “*Người miền Tây vẫn phóng khoáng nhưng vẫn có thêm cái ích kỷ cá nhân, nghĩ đến mình nhiều hơn*” (H.C.N., nam, 61 tuổi, dân tộc Kinh, DT22).

Đa số người ở các nhóm tuổi khác nhau cũng đều đồng ý với quan điểm “Dù cha mẹ thế nào đi nữa thì con cái cũng phải luôn yêu thương và tôn trọng họ”, sự chênh lệch giữa các nhóm tuổi không đáng kể. Tuy nhiên, các quan điểm về gia đình hạnh phúc khi có nhiều thế hệ sinh sống hay con dâu phải nghe lời mẹ chồng cũng có khác biệt có ý nghĩa khi xét theo độ tuổi của người dân thống kê (xem bảng 3). Hai nhóm tuổi trẻ nhất (30 tuổi trở xuống và 31 - 40 tuổi) luôn có tỷ lệ đồng ý với hai quan niệm này là thấp nhất so với các nhóm tuổi còn lại. Đặc biệt, chỉ có chưa đầy 60% người trong nhóm từ 30 tuổi trở xuống đồng ý với quan niệm: “Để gia đình yên ấm, hạnh phúc, con dâu luôn phải nghe lời mẹ chồng”; trong khi tỷ lệ này ở nhóm tuổi 31 - 40 tuổi là xấp xỉ 70%, tỷ lệ này các nhóm tuổi còn lại khoảng 80%. Có vẻ người trẻ tuổi ít muốn nhận nhin, chịu đựng mẹ chồng hơn các thế hệ lớn tuổi.

Quan điểm về vai trò ra quyết định của người chồng, sự chấp thuận của phụ nữ với quyết định của người chồng cũng có khác biệt giữa các nhóm tuổi. Tỷ lệ người đồng ý với quan điểm “Người chồng phải là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình”, “Người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng” giảm dần theo độ tuổi, đặc biệt giảm mạnh ở độ tuổi 30 trở xuống.

Dường như đang có sự thay đổi nhất định trong nhận thức, giá trị, quan điểm sống, lối sống, cách ứng xử qua các độ tuổi, qua các thế hệ: những nét bản sắc truyền thống đã ít nhiều đã có sự phai nhạt ở thế hệ trẻ ngày nay. Tuy nhiên, sự thay đổi này không hoàn toàn mang ý nghĩa tiêu cực mà thể hiện sự tiến bộ ở người trẻ khi ít đòi hỏi sự hy sinh quá nhiều của cha mẹ đối với con cái, tôn trọng vai trò của người vợ hơn.

Bảng 3: Nhận thức, giá trị, ứng xử trong gia đình của người dân Tây Nam Bộ - so sánh theo tuổi

Nội dung			30 tuổi trở xuống	31 - 40 tuổi	41 - 50 tuổi	51 - 60 tuổi	61 tuổi trở lên	χ^2	df	p
Quan điểm về trách nhiệm của cha mẹ	Cha mẹ là phải cố gắng hết sức vì con, kể cả có khi phải trả giá bằng chính cuộc sống của mình	N	61	202	252	207	55	22,00	4	< 0,001
		%	77,2	87,8	93,7	91,6	94,8			
	Cha mẹ có cuộc sống của mình nên không thể đòi hỏi họ hy sinh hết cho con	N	18	28	17	19	3			
		%	22,8	12,2	6,3	8,4	5,2			
Ông/bà là người sống hết mình vì những người mình yêu quý, kể cả khi phải hy sinh lợi ích của bản thân	Không đồng ý	N	10	17	11	6	2	14,46	4	0,006
		%	12,5	7,4	4,1	2,7	3,4			
	Đồng ý	N	70	212	257	219	56			
		%	87,5	92,6	95,9	97,3	96,6			
Gia đình sẽ hạnh phúc hơn khi có nhiều thế hệ cùng sống chung	Không đồng ý	N	13	47	31	20	4	16,88	4	0,002
		%	16,3	20,3	11,6	8,9	6,9			
	Đồng ý	N	67	185	237	205	54			
		%	83,8	79,7	88,4	91,1	93,1			
Để gia đình yên ấm, hạnh phúc, con	Không đồng ý	N	34	72	46	40	12	33,76	4	< 0,001
		%	42,5	31,0	17,1	17,8	20,7			

đầu luôn phải nghe lời mẹ chồng	Đồng ý	N	46	160	223	185	46			
		%	57,5	69,0	82,9	82,2	79,3			
Người chồng phải là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình	Không đồng ý	N	45	87	71	50	11	43,45	4	< 0,001
		%	56,3	37,7	26,5	22,2	19,0			
	Đồng ý	N	35	144	197	175	47			
		%	43,8	62,3	73,5	77,8	81,0			
Người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng	Không đồng ý	N	46	101	93	64	17	28,39	4	< 0,001
		%	57,5	44,1	34,7	28,4	29,3			
	Đồng ý	N	34	128	175	161	41			
		%	42,5	55,9	65,3	71,6	70,7			

3.2.3. So sánh theo trình độ học vấn

Xét trên tổng thể, truyền thống trọng tình nghĩa trong gia đình của người Tây Nam Bộ đều được lưu giữ ở người có trình độ học vấn cao cũng như học vấn thấp. Bất kể người nào với trình độ học vấn ra sao đều coi trọng gia đình, đều sẵn sàng hy sinh vì gia đình, đều đồng quan điểm con cái yêu thương, tôn trọng cha mẹ vô điều kiện; đều mong con mình trở thành người có trách nhiệm với gia đình.

Duy chỉ có quan điểm về cách ứng xử của cha mẹ đối với con là có một chút khác biệt. Số người có trình độ học vấn cao (tốt nghiệp THPT trở lên) đồng ý với quan niệm “cha mẹ phải cố hết sức vì con kể cả có khi phải trả giá bằng chính cuộc sống của mình” là chiếm tỷ lệ thấp nhất so với các nhóm có trình độ học vấn thấp hơn. Ngược lại, tỷ lệ người đồng ý với quan niệm “cha mẹ có cuộc sống của mình nên không thể đòi hỏi họ hy sinh hết cho con” ở nhóm tuổi này là cao nhất trong các nhóm học vấn còn lại. Mặc dù vậy, đa số người có trình độ học vấn từ THPT trở lên vẫn cho rằng cha mẹ nên hết mình vì con cái.

Người có học vấn cao hay thấp đều cho rằng, gia đình hạnh phúc hơn khi có nhiều thế hệ sinh sống, nhưng tỷ lệ đồng ý với quan điểm này ở nhóm có học vấn cao nhất là thấp nhất. Tương tự, nhóm có học vấn cao nhất có tỷ lệ đồng ý với quan điểm con dâu phải nghe lời mẹ chồng là thấp nhất. Tỷ lệ này thấp hơn tỷ lệ đồng ý với quan điểm sống nhiều thế hệ (61% so với 81%). Nói chung, người có trình độ học vấn cao vẫn thích sống chung nhiều thế hệ, nhưng không muốn lúc nào cũng phải nín nhịn mẹ chồng.

Khi hỏi về người có quyền quyết định nhất trong gia đình, cha mẹ của người có học vấn THCS và THPT trở lên có quyền quyết định cao hơn trong gia đình của 2 nhóm có học vấn thấp hơn (tiểu học và chưa tốt nghiệp tiểu học). Thực trạng này có chịu ảnh hưởng một phần của yếu tố tuổi. Người có học vấn cao thường là người trẻ tuổi nên cha mẹ họ cũng trẻ hơn và có quyền quyết định cao hơn. Ngược lại, người có học vấn thấp thường là người lớn tuổi nên cha mẹ họ đã già và ít có khả năng quyết định nhiều vấn đề trong gia đình. Vì vậy, sự khác biệt này có lẽ phản ánh thực tế (mối quan hệ giữa tuổi tác và khả năng ra quyết định của cha mẹ người trả lời) hơn là một sự khác biệt xét theo yếu tố học vấn của người trả lời.

Mặc dù những người có học vấn cao ít đồng ý với quan niệm chồng là người quyết định mọi việc trong gia đình và vợ nên nghe theo quyết định của chồng. Tuy nhiên, thực tế, trong đa số hộ gia đình của bất cứ nhóm học vấn nào thì nam giới (cha, chồng, con trai trưởng) vẫn là người có quyền quyết định cao hơn nữ giới, thậm chí trong gia đình của những người tốt nghiệp trung

học cơ sở và trung học phổ thông trở lên thì tỷ lệ nam giới có quyền quyết định còn cao hơn trong gia đình của những người có trình độ học vấn thấp hơn trong việc học/việc làm của các thành viên gia đình. Tỷ lệ nam giới là người quyết định trong việc học/việc làm của các thành viên gia đình ở gia đình người có trình độ học vấn chưa hết tiểu học, hết tiểu học, hết THCS, hết THPT trở lên lần lượt là 66,2%; 67,5%; 77,9% và 72,3%.

Như vậy, một bộ phận người dân Tây Nam Bộ, thường là những người có trình độ học vấn cao có xu hướng không thích sống chung nhiều thế hệ, không chấp nhận sự phục tùng cha mẹ tuyệt đối, ít có tư tưởng trọng nam.

3.2.4. So sánh theo dân tộc

Truyền thống trọng tình nghĩa gia đình, trọng hiếu ở dân tộc nào cũng vậy. Mức độ thể hiện các truyền thống này không có sự chênh lệch đáng kể giữa các dân tộc khác nhau. Người Kinh, người Khmer, người Hoa, người Chăm đều là người có thể hy sinh vì những người mình yêu quý; coi trọng trách nhiệm với gia đình (thể hiện qua mong muốn con trở thành người có trách nhiệm với gia đình); mong muốn gia đình hạnh phúc (thể hiện qua mong muốn con có một gia đình hạnh phúc); đều cho rằng cha mẹ phải cố gắng hết sức vì con cái kể cả phải trả giá; còn con cái phải yêu thương, tôn trọng cha mẹ dù cha mẹ có như thế nào, thích sống chung nhiều thế hệ.

Bảng 4: Nhận thức, giá trị, ứng xử trong gia đình của người dân Tây Nam Bộ - so sánh theo dân tộc

Nội dung			Kinh	Hoa	Khmer	Chăm	χ^2	df	p
Người chồng phải là người quyết định cuối cùng tất cả các công việc trong gia đình	Không đồng ý	N	214	10	35	5	10,47	3	0,015
		%	31,6	30,3	34,0	10,2			
	Đồng ý	N	463	23	68	44			
		%	68,4	69,7	66,0	89,8			
Người vợ nên nghe theo các quyết định của người chồng	Không đồng ý	N	260	11	45	5	17,83	3	< 0,001
		%	38,5	33,3	43,7	10,2			
	Đồng ý	N	415	22	58	44			
		%	61,5	66,7	56,3	89,8			
Người quyết định cao nhất trong quan hệ gia đình, dòng họ*	Nữ	N	234	16	49	8			
		%	35,7	50,0	49,5	16,0			
	Nam	N	498	29	78	49			
		%	76,0	90,6	78,8	98,0			

Người quyết định: cao nhất trong: phát triển kinh: tế hộ*	Nữ	N	287	17	55	9
		%	42,9	53,1	55,6	18,0
	Nam	N	486	29	78	45
		%	72,6	90,6	78,8	90,0
Người quyết định: cao nhất trong: quyết định việc: học/việc làm của: các thành viên: gia đình*	Nữ	N	298	15	56	18
		%	45,4	48,4	57,7	36,0
	Nam	N	459	26	63	39
		%	70,0	83,9	64,9	78,0

Ghi chú: * là câu hỏi đa phương án trả lời.

Người nào cũng không đồng ý với quan niệm gia đình hạnh phúc khi vợ chồng sinh được con trai, bất kể dân tộc nào. Tuy nhiên, có khác biệt rõ nét giữa dân tộc Chăm với các dân tộc khác ở quan niệm người chồng là người quyết định mọi việc trong gia đình; người vợ nên nghe theo quyết định của chồng. Tỷ lệ người Chăm đồng ý với hai ý kiến này là cao nhất và chênh lệch đáng kể với tỷ lệ này ở các dân tộc khác. Ở quan niệm, người vợ nên nghe theo quyết định của chồng, tỷ lệ người Khmer đồng ý là thấp nhất trong các dân tộc. Thực tế này phản ánh quan điểm tôn giáo cũng như cách thức tổ chức gia đình của người Chăm và người Khmer.

Hình thức xã hội cổ truyền của người Chăm là một hình thức mẫu hệ, nhưng theo quy định của Hồi giáo thì nam giới được tôn trọng, người cha có nhiều quyền hành đối với gia đình (Nguyễn Văn Luận, 1974). Người Chăm Nam Bộ do hầu hết theo đạo Hồi nên chế độ gia đình thiên về phụ hệ (Lý Tùng Hiếu, 2009). Trong khi đó, mặc dù gia đình người Khmer cũng là tiểu gia đình phụ quyền nhưng “tàn dư của chế độ mẫu hệ còn đậm nét” (Bùi Xuân Đỉnh, 2012, tr. 228).

Kết quả nghiên cứu này tiếp tục cho thấy sự đan xen của chế độ phụ quyền và mẫu quyền trong việc ra quyết định đối với công việc của gia đình. Trong gia đình, nam giới là người có quyền quyết định cao hơn nữ giới từ vấn đề quan hệ gia đình, dòng họ, quyết định việc học/việc làm của các thành viên gia đình cho đến vấn đề phát triển kinh tế hộ, bất kể đó là gia đình của dân tộc nào. Đối với các vấn đề quan hệ gia đình, dòng họ và phát triển kinh tế hộ, quyền quyết định cao nhất của nam giới người Chăm chiếm tỷ lệ cao nhất trong các dân tộc; chỉ có quyền quyết định cao nhất của nam giới người Chăm đối với việc học/việc làm đứng sau nam giới người Hoa. Còn các dân tộc khác (Kinh, Khmer, Hoa), mặc dù quyền quyết định cao hơn vẫn thuộc về nam giới, nhưng tỷ lệ nữ giới cùng ra quyết định với nam giới lại cao hơn ở dân tộc

Chăm. Ở 50% gia đình người Khmer, người Hoa, quyền quyết định cao nhất trong quan hệ gia đình, dòng họ thuộc về cả nam và nữ. Tương tự, trong lĩnh vực phát triển kinh tế hộ, nam nữ cùng có quyền hành ngang nhau ở hơn 50% gia đình người Khmer, người Hoa. Riêng trong lĩnh vực quyết định việc học/việc làm cho các thành viên gia đình, chỉ có số gia đình người Khmer có sự ngang bằng quyền lực giữa nam và nữ đạt tỷ lệ quá bán.

Như vậy, ở dân tộc nào, nam giới cũng giữ vai trò quan trọng hơn nhất là trong gia đình của người Chăm. Gia đình người Kinh, người Khmer, người Hoa có sự bình quyền giữa nam và nữ hơn, đặc biệt là trong gia đình người Khmer.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát trên mẫu nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Xét trên tổng thể, trong đời sống gia đình, người Tây Nam Bộ hiện nay vẫn thể hiện rõ nét một số nét bản sắc truyền thống như trọng nghĩa, trọng hiếu, trọng nam. Đa số người dân Tây Nam Bộ bất kỳ là nam hay nữ, già hay trẻ, có trình độ học vấn cao hay thấp, là người Kinh, người Khmer, người Hoa hay người Chăm đều coi trọng gia đình, hết lòng vì người thân, đều hiếu thảo, vâng lời bố mẹ, đều đề cao vai trò của nam giới trong gia đình. Tuy nhiên, những nét bản sắc này có mức độ đậm nhạt khác nhau khi xét theo giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ học vấn. Nam giới, người lớn tuổi, người có trình độ học vấn thấp đề cao vai trò của nam giới trong gia đình; ủng hộ cách thức ứng xử trọng hiếu nhiều hơn nữ giới, người trẻ tuổi, người có trình độ học vấn cao. Tư tưởng trọng nam thể hiện rõ nét nhất ở người Chăm. So với người lớn tuổi, người có trình độ học vấn cao thì người trẻ tuổi, người có học vấn cao ít đồng ý với quan điểm hy sinh bản thân vì người khác hơn. Kết quả so sánh bản sắc theo lát cắt cho thấy một xu hướng mới trong nhận thức, ứng xử của người trẻ tuổi, có học vấn cao trong gia đình.

Chú thích

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước: *Bản sắc con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới*; Mã số: KHCN-TNB.ĐT/14-19/X19; Viện Tâm lý học chủ trì; PGS.TS. Lã Thị Thu Thủy làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bùi Xuân Đính (2012). *Các tộc người ở Việt Nam*. NXB Thời đại. Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lý Tùng Hiếu (15/5/2009). *Vùng văn hóa Nam Bộ: Định vị và đặc trưng văn hóa*. <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/1238-ly-tung-hieu-vung-van-hoa-nam-bo-dinh-vi-va-dac-trung-van-hoa.html>.
3. Phan Thị Mai Hương, Lê Thị Thu Thủy (2020). *Bàn về khái niệm bản sắc con người*. Tạp chí Tâm lý học. Số 6. Tr. 3 - 17.
4. Nguyễn Văn Kha (2009). *Tính cách con người Nam Bộ*. Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập. Đồng Nai.
5. Nguyễn Văn Luận (1974). *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần Việt Nam*. Sài Gòn: Bộ Văn hóa Giáo dục Thanh niên.
6. Trần Ngọc Thêm (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. NXB Văn hóa - Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
7. Lê Văn Tùng, Nguyễn Việt Tiến (2017). *Tiếp cận triết lý hiếu nghĩa ở Tây Nam Bộ*. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội. Số 7. Tr. 37 - 42.

Tài liệu tiếng Anh

8. Corsini R.J. (1999). *The dictionary of psychology*. Publishing office: Brunner, Mazel.
9. Hogg M.A. (2003). *Social identity*. In Leary M.R. & Tangney J.P. (Eds.), *Handbook of Self and Identity*. P. 462 - 479. New York. Guilford.
10. Tajfel H. (1982). *Social identity and intergroup relations*. Cambridge: Cambridge University Press.
11. Verkuyten M. and Hagoendoorn L. (1998). *Prejudice and self-categorization: The variable role of authoritarianism and in-group stereotypes*. *Personality and Social Psychology Bulletin*. Vol. 24 (1). P. 99 - 110. DOI: 10.1177/0146167298241008.